



技术要求

序号	材料	数量	备注	公差	表面粗糙度	热处理
1	HT100	1	壳体	±0.1	Ra 1.6	退火
2	HT100	1	底座	±0.1	Ra 1.6	退火

技术要求

- 装配前应检查各零件的加工精度，合格后方可装配。
- 零件在装配前应进行清洗，并用防锈油处理。
- 装配时应注意各零件的配合公差，不得强行装配。
- 装配完成后应进行试运转，检查运转是否正常。
- 装配过程中应遵守安全操作规程，防止发生安全事故。
- 装配完成后应进行外观检查，确保无缺陷。
- 装配完成后应进行性能测试，确保达到设计要求。
- 装配完成后应进行包装，防止运输过程中损坏。

序号	材料	数量	备注	公差	表面粗糙度	热处理
1	HT100	1	壳体	±0.1	Ra 1.6	退火
2	HT100	1	底座	±0.1	Ra 1.6	退火
3	HT100	1	轴	±0.05	Ra 0.8	调质
4	HT100	1	轴承盖	±0.1	Ra 1.6	退火
5	HT100	1	轴承座	±0.1	Ra 1.6	退火
6	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
7	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
8	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
9	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
10	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
11	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
12	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
13	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
14	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
15	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
16	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
17	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
18	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
19	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
20	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
21	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
22	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
23	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
24	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
25	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
26	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
27	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
28	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
29	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
30	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
31	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
32	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
33	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
34	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
35	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
36	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
37	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
38	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
39	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
40	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
41	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
42	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
43	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
44	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
45	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
46	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
47	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
48	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
49	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
50	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
51	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
52	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
53	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
54	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
55	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
56	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
57	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
58	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
59	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
60	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
61	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
62	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
63	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
64	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
65	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
66	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
67	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
68	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
69	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
70	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
71	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
72	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
73	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
74	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
75	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
76	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
77	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
78	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
79	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
80	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
81	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
82	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
83	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
84	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
85	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
86	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
87	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
88	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
89	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
90	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
91	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
92	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
93	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
94	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
95	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
96	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
97	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
98	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
99	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质
100	HT100	1	轴套	±0.05	Ra 0.8	调质

设计	审核	批准	日期
于基清	于基清	于基清	2023.10.1